

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 458/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

*V/v: Tranh chấp ly hôn giữa chị Trần
Diệu T và anh Lê Văn K.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tường Nga

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thành ông Nguyễn Đình Đạt

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Cán bộ Tòa án
nhân dân quận Long Biên***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.***

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36 ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Diệu T, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 7 (nay là tổ 22) phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP.Hà Nội; Hiện trú tại: Số xxx, xóm 5 Bát Tràng, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. (*Chị T có đơn xin vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Lê Văn K, Sinh năm 1984.

HKTT và cư trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 22) phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP.Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Trần Diệu T trình bày:**

- **Về tình cảm:** Chị Trần Diệu T và anh Lê Văn K, kết hôn tại UBND phường Thượng Thanh vào ngày 26/9/2005. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc tại tổ 7 (nay là tổ 22), phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh K chơi bời, cờ bạc và có quan hệ ngoài luồng, không quan tâm đến gia đình. Năm 2016 anh K vi phạm pháp luật phải đi cải tạo rại giam Hỏa Lò 01 năm vì tội Chống người thi hành công vụ (Tòa án đã yêu cầu chị cung cấp bản án xét xử vụ án trên nhưng chị T không lưu giữ nên không cung cấp được). Sau khi ra tù, anh K không ăn năn hối cải mà tiếp tục ăn chơi và có quan hệ ngoài luồng với cô Ma Thị H, sinh năm 1994 và có con riêng là Lê Mạnh H sinh ngày 10/4/2020. Ngoài việc ăn chơi, có quan hệ ngoài luồng thì anh K còn thường xuyên cờ bạc chơi bóng dẫn đến nợ nần. Lần đầu tiên năm 2016 chị đã trả nợ cho anh K 176 triệu, còn nhiều lần nữa chị không nhớ hết được.

Năm 2015 hai vợ chồng chị chuyển xuống dưới nhà ông bà ngoại ở Bát Tràng để làm ăn buôn bán. Sau đó anh K phải vào tù. Đến năm 2017 anh K ra tù thì tự chuyển về nhà ông bà nội ở Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội để làm ăn nên chị T và anh K sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nên đề nghị được ly hôn với anh K.

- **Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung là.

Cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 30/9/2006 và cháu Lê Mạnh X, sinh ngày 24/8/2009. Từ khi chị T, anh K sống ly thân cho đến nay cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X cùng chị T sinh sống tại địa chỉ số xxx, xóm 5 Bát Tràng, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. Khi ly hôn, chị T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị T xác định không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Lê Văn K đã được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà pháp biểu:** Toà án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí phiên tòa:

- + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Diệu T đối với anh Lê Văn K
- + Con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 30/9/2006 và cháu Lê Mạnh X, sinh ngày 24/8/2009. Chị Trần Diệu T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X. Từ khi chị T, anh K sống ly thân cho đến nay, cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X cùng chị T sinh sống tại địa chỉ số 203, xóm 5 Bát Tràng, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. Bản thân cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Diệu T, giao cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X cho chị Trần Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng cho con đối với anh K cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Diệu T xin ly hôn anh Lê Văn K có HKTT và hiện trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 22), phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP.Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Diệu T kết hôn với anh Lê Văn K ngày 26/9/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thượng Thanh, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị T đưa các con về nhà bố mẹ để sinh sống, chị T và anh K đã ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh K không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận đơn ly hôn của chị Trần Diệu T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

* **Về con chung:** Xác nhận chị T, anh K có 02 con chung là cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 30/9/2006 và cháu Lê Mạnh X, sinh ngày 24/8/2009. Từ khi chị T, anh K sống ly thân cho đến nay, hai cháu sống với chị T tại địa chỉ số xxx, xóm 5 Bát Tràng, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi

dưỡng cả 02 con chung, anh K thường xuyên đi làm ăn không có mặt ở nhà nên không đảm bảo việc chăm sóc và giáo dục con chung. Các cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X đều có nguyện vọng được ở với mẹ do vậy, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X cho chị Trần Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K đóng góp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định pháp luật.

* **Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

* **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; **Điều 266; Điều 273; Điều 280** Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; **Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Diệu T . Chị Trần Diệu T được ly hôn với anh Lê Văn K .

2. Về con chung: Xác định anh K , chị T có 02 con chung cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 30/9/2006 và cháu Lê Mạnh X, sinh ngày 24/8/2009.

Giao cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X cho chị Trần Diệu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh

Lê Văn K cho đến khi cháu Lê Mạnh T và cháu Lê Mạnh X đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Diệu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí 0016194 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND quận Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Thượng Thanh
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tường Nga